

THỜI TRONG NGÔN NGỮ TRẺ EM

TENSE IN CHILD LANGUAGE

QUÁCH THỊ BÍCH THỦY

(ThS-NCS; Học viện Khoa học Xã hội)

Abstract: The children always see the world in a colourful and lovely way, the tense appears simple. They know clearly about the past, the present, the future by using words as “da, dang, se” and other words. In the daily life, they received a lots of knowledge about the world around them by seeing, hearing, touching and indirectly by seeing films. Then their symbol world will be richer and richer, they will like to understand and discover the new things. This is the base for them to build naturally the system of metaphor images about the world and time: The time is a moving object. The human moves with in the time.

Key words: tense; children language; past; present; future; cognitive metaphor.

1. Mở đầu

1.1. Thời là phạm trù quen thuộc với ngôn ngữ có sự biến đổi hình thái. Tuy nhiên với tiếng Việt đây vẫn là một phạm trù gây nhiều tranh cãi với hai quan niệm khác nhau:

(a) Những người quan niệm có phạm trù thời là: Bùi Đức Tịnh (1952), Nguyễn Bạt Tụy (1953), Phan Khôi (1955), Trương Văn Chỉnh - Nguyễn Hiến Lê (1963), Lê Văn Lý (1972), Lê Cận, Phan Thiệu (1983), Nguyễn Anh Quế (1988), Diệp Quang Ban - Hoàng Văn Thung (1992), Nguyễn Văn Thành (1992), Nguyễn Minh Thuyết - Nguyễn Văn Hiệp (1998), Trần Kim Phụng (2008).

(b) Những người quan niệm tiếng Việt không có phạm trù *thời*: Trần Trọng Kim, Bùi Kỷ và Phạm Duy Khiêm (1940), M.B. Emeneau (1951), M. Grammont (1961), Hoàng Tuệ (1962), Nguyễn Kim Thản (1977), Đái Xuân Ninh (1986), Nguyễn Đức Dân (1996), Phan Thị Minh Thúy (2003).

1.2. Từ những nghiên cứu về thời trong tiếng Việt của các nhà nghiên cứu đi trước, chúng tôi đi vào tìm hiểu những đặc điểm của thời trong ngôn ngữ trẻ em để thấy được

một mảng sắc màu rất riêng trong sự tri nhận của trẻ về thế giới.

Quá trình lớn lên của một đứa trẻ là quá trình nhận thức về thế giới xung quanh. Tùy thuộc vào đặc điểm của từng cá thể, mỗi em nhỏ có một góc nhìn riêng để từ đó soi chiếu, suy tư và hiểu về thế giới. Tư tưởng và tình cảm của trẻ là yếu tố quan trọng trong việc định hình cách thức trẻ tiếp nhận thông tin từ thế giới xung quanh, suy nghĩ về những kinh nghiệm và từ đó lựa chọn cách phản ứng, ứng xử lại với những sự việc đó.

Đối với trẻ, thế giới xung quanh thật mới mẻ và lí thú, trẻ luôn muốn thông qua mọi phương tiện để biểu đạt những cảm xúc của mình. Trong điều kiện khả năng ngôn ngữ phát triển chưa hoàn thiện, trẻ sẽ tạo ra những cách sử dụng từ ngữ rất riêng để có thể diễn đạt được trọn vẹn suy nghĩ của mình với người đối diện mà ở đây chúng tôi chỉ đi vào khám phá một góc rất nhỏ là đặc điểm thời trong ngôn ngữ của trẻ.

2. Tìm hiểu yếu tố thời gian trong ngôn ngữ trẻ em

2.1. Khái niệm thời gian

Không gian và thời gian là một cặp phạm trù của triết học Mác-Lênin. Ăng ghen chính là người đã phân tích và phát triển cặp phạm trù này. Không gian luôn đi liền và gắn bó với thời gian để chỉ về một phương thức tồn tại của vật chất (cùng với phạm trù vận động), trong đó không gian chỉ hình thức tồn tại của khách thể vật chất ở vị trí nhất định, kích thước nhất định và ở một khung cảnh nhất định trong tương quan với những khách thể khác. Trong khi đó, thời gian chỉ hình thức tồn tại của các khách thể vật chất được biểu hiện ở mức độ lâu dài hay mau chóng (độ dài về mặt thời gian), ở sự kế tiếp trước hay sau của các giai đoạn vận động. như vậy, không gian và thời gian là không gian và thời gian vật chất, không có không gian và thời gian thuần túy bên ngoài vật chất và “*dĩ nhiên, cả hai hình thức tồn tại này của vật chất nếu không có vật chất sẽ là hư vô, là những quan niệm trừu tượng trống rỗng tồn tại trong đầu óc của chúng ta*” [1].

Không gian và thời gian là thuộc tính của vật chất tồn tại gắn liền với nhau và gắn liền với vật chất. Vì vật chất tồn tại khách quan, do đó không gian và thời gian là thuộc tính của nó nên cũng tồn tại khách quan. Tính vĩnh cửu vô tận: Không gian và thời gian không có tận cùng về một phía nào, xét cả về quá khứ lẫn tương lai, cũng như mọi phương vị. Không gian luôn có ba chiều (chiều dài, chiều rộng, chiều cao), còn thời gian chỉ có một chiều (từ quá khứ tới tương lai). Không gian và thời gian là một thực thể thống nhất không-thời gian và có số chiều là 4 (3+1)^[4]

2.2. Đặc điểm thời gian trong ngôn ngữ trẻ em

Về sự phân chia phạm trù thời và các phương tiện biểu thị thời trong tiếng Việt, như đã dẫn, có rất nhiều các ý kiến khác nhau từ các nhà nghiên cứu, chúng tôi lựa chọn cách hiểu được nhiều nhà nghiên cứu thống nhất là tiếng Việt có ba thời: quá khứ,

hiện tại, tương lai và chúng được biểu thị một cách rõ ràng, tiêu biểu thông qua các phó từ đã, đang, sẽ.

Trong tri nhận về thời gian, trẻ đã có sự phân biệt khá rõ ràng những sự việc, hành động xảy ra ở những thời điểm khác nhau: quá khứ, hiện tại, tương lai. Tuy nhiên các phương tiện biểu thị thời trong ngôn ngữ của trẻ không phải chỉ có các phó từ quen thuộc đã, đang, sẽ mà còn có các từ ngữ linh hoạt khác như: *hôm qua*, *hôm trước*, *lần trước*, *lúc này*, *có lần*,...

2.2.1. Thời quá khứ

Để nói về sự tình tại thời điểm của quá khứ, trẻ dùng những phương tiện từ ngữ khá đa dạng. Ví dụ:

- *Hôm qua* cháu được ăn bánh mì xúc xích.

- *Hôm trước* bạn ấy đeo kính màu đỏ, lại đeo kính màu trắng. *Hôm trước* bạn ấy đổi kính.

- *Lần trước* cháu cũng nói ngọng.

- *Lúc này* cháu xem Tom và Jerry chẳng có nước xong rồi con chuột cho nước vào con mèo bị bay lên trời.

- *Hồi xưa* cậu hát hay.

- *Lúc* bác Chung lên thì bác Chung cho bim bim ngô rồi.

- *Có lần* con được đi công viên Thủ Lệ.

- *Cháu phải chờ cô giáo ở dưới sân trường, lúc đấy* cháu đến sớm quá.

Quá khứ cũng được trẻ phân chia thành quá khứ gần và quá khứ xa với sự tình đã diễn ra nhưng ở rất gần với thời điểm nói, trẻ sẽ nói. Ví dụ:

- *Cháu vừa đi lớp về.*

- *Vừa này* bạn này chỉ tay vào mặt con.

nhưng nếu sự tình ở thời điểm có khoảng cách thời gian được trẻ đánh giá là xa so với thời điểm nói trẻ sẽ nói:

- *Cô ơi cô, bố con có cái máy này từ lâu rồi.*

- Con đi biển rồi. Hồi xưa con đi nhưng mà bây giờ chưa đi.

Đôi khi để diễn tả một sự tình đã xảy ra tại một thời điểm có khoảng cách được trẻ định vị là khá xa so với hiện tại, trẻ mượn những từ ngữ thường gặp trong những câu chuyện cổ tích mà trẻ thường được nghe kể như “ngày xưa”, “ngày xưa ngày xưa”. Ví dụ:

- Ngày xưa ngày xưa bố con bắt một người đi đèn đỏ. Bố con bảo là: “Này sao anh lại đi đèn đỏ? Tôi phạt anh”.

Những phương tiện từ ngữ được dùng để đánh dấu về mặt thời gian như thế đều được đặt ở đầu phát ngôn với mục đích định vị rõ ràng thời đoạn xảy ra của sự tình. Theo Cao Xuân Hạo, trong những trường hợp nhất thiết phải định vị sự tình trong thời gian quá khứ, “tiếng Việt bao giờ cũng dùng phương tiện từ vựng, từ là dùng một khung đề chỉ thời gian quá khứ (đặt ở đầu câu)”. Với trẻ em, việc lựa chọn phương tiện biểu thị thời trong phát ngôn nghiêng về xu hướng lựa chọn phương tiện từ ngữ. Phó từ đã bên cạnh việc biểu thị thời cũng được trẻ sử dụng để biểu thị hoạt động, trạng thái được nói ở vị từ xảy ra trước một thời điểm mốc mà lại là một trợ từ nhằm nhấn mạnh ý nghĩa của tính từ đứng sau nó. Ví dụ:

- Hải Đăng: hôm nay con ăn xúc xích.

- Hồng Sơn: con ăn cháo với chả.

- Hải Đăng: cháo với chả không lớn. Ăn chả thì mới lớn, cháo thì còn lâu đã lớn được cơ.

2.2.2. Thời hiện tại

Để diễn tả hành động xảy ra ở thời hiện tại, phương tiện từ ngữ được trẻ lựa chọn chủ yếu là phó từ đang và từ bây giờ để định vị thời điểm của sự tình trong phát ngôn. Ví dụ:

- Các bạn đang chơi đồ chơi.

- Con có cả cái vợt cầu bé để con đánh cầu nhưng mà bây giờ có một cái cầu con đánh ra vườn, bao giờ bố con về bố con lấy.

Tuy nhiên đang không phải bao giờ cũng được dùng để chỉ thời tuyệt đối mà nó còn được sử dụng ở thời tương đối. Theo Bùi Đức Tịnh (1952) “đang nằm trong số những phó từ chỉ thời gian đặc biệt dùng để biểu diễn các thời của động từ. Từ đang với tư cách là chỉ tố của thời hiện tại cũng có thể được dùng với những việc xảy ra trong quá khứ và tương lai”. Với trẻ, đang không xuất hiện với tư cách là chỉ tố của thời hiện tại để chỉ những việc xảy ra trong tương lai mà xuất hiện với vai trò là chỉ tố của thời hiện tại để chỉ những việc xảy ra trong quá khứ, đó là hiện tại thuộc về quá khứ. Ví dụ:

- Hôm qua con đi chơi với bác, với em con, con nhìn thấy một con cá sấu đang nằm ngủ, hai con đang nằm ngủ ở giữa dòng ý. Con biết vì sao cá sấu ngủ đấy. Bởi vì nó nhắm mắt vào, mình thò tay vào nó xong rồi nó mở mắt ra, nó cắn mình.

- Lúc con đang nói thì con không biết các bạn chạy đâu cả rồi.

Đôi khi phát ngôn của trẻ thật khó để xác định thời với cách trộn lẫn các phó từ chỉ thời. Ví dụ:

- Nhà con nuôi ngan. Bây giờ ông con đang mua thuốc ngan rồi. Con ngan bị què chân, con ngan nó bé ý, vẫn bé vẫn què chân.

- Lúc con lớn bím bím quả ớt gói to thì con vẫn ăn được nhưng em bé nhà con con chỉ cho hai miếng thôi. Nhưng mà bây giờ đang sốt, đang phải uống thuốc rồi.

Khi phó từ đang được dùng với ý nghĩa hiện tại, bao giờ trong phát ngôn của trẻ cũng tồn tại một chủ thể quan sát, một điểm nhìn, một thời điểm nói và một sự tình diễn ra tại thời điểm mà người nói đang đặt mình vào trong đó. Tuy nhiên không phải bao giờ hiện tại và những thời điểm xung quanh hiện

tại cũng được trẻ phân định rạch ròi. Có lúc sự tình thuộc về quá khứ nếu xét về mặt thời gian nhưng trẻ vẫn dùng nó ở hiện tại mà không đẩy vào hiện tại của quá khứ để nhấn mạnh đến tính mới mẻ, độ nóng sốt của sự tình theo quan niệm và đánh giá của trẻ.

2.2.3. Thời tương lai

Tương lai là thời phong phú nhất đối với việc lựa chọn phương tiện từ ngữ của trẻ. Trẻ sử dụng từ phó từ quen thuộc *sẽ, sắp*. Ví dụ:

- *Lên lớp một là con sẽ biết đọc. Chúng ta sẽ đọc rất nhiều cái chữ trên truyện và cả trên vô tuyến nữa.*

- *Cháu sắp có em bé rồi.*

và các từ như *hôm nào, khi nào, bao giờ, lúc nào*. Ví dụ:

- *Lúc nào bạn nào về, cô lấy kẹo mút chia cho các bạn.*

- *Em Mai Anh khi nào cho uống thuốc thì khác nè.*

- *Hôm nào cô Dương đi thì con học lớp cô Dương.*

- *Khi nào mưa ngựa thì con phải nhốt nó ở trong chuồng cơ.*

3. Nhận xét

Trong cuộc sống hàng ngày, trẻ đã tiếp thu một lượng tri thức đáng kể về thế giới xung quanh do trẻ trực tiếp nhìn thấy, nghe thấy và sờ thấy hoặc do người lớn kể lại qua các câu chuyện, phim ảnh. Từ đó thế giới biểu tượng của trẻ cũng phong phú dần lên và làm nảy sinh tính ham hiểu biết, hứng thú nhận thức, muốn khám phá những điều mới lạ. Đây là cơ sở để trẻ thiết lập một cách tự nhiên hệ thống hình ảnh ẩn dụ về thế giới. Chúng tôi theo quan điểm của Nguyễn Đức Dân về hình ảnh ẩn dụ thời gian, đó là:

- Thời gian là một đối tượng chuyển động (G. Lakoff và M. Johnson). Ví dụ: *tết đến, từ sáng tới giờ...* Thời gian có sự chuyển động theo đúng thuộc tính đơn chiều khách quan của nó từ quá khứ đến tương lai.

- Con người chuyển động trong thời gian. Ví dụ: *đến trung thu...*

Nếu theo khoa học thì thời gian được tính bằng *năm, tháng, tuần, ngày, giờ, phút, giây*. Trong đó, đơn vị cơ sở là *ngày*, một ngày được chia làm 24 giờ (12 canh giờ - cách tính của người xưa), 1 giờ chia thành 60 phút, 1 tuần gồm 7 ngày, 1 tháng bao gồm 28 đến 31 ngày tùy thuộc vào tháng trong năm thì với trẻ thời gian được trẻ hình dung và phân chia khá đơn giản với các đơn vị *buổi, hôm, hồi, lần, khi...*

Buổi thường được trẻ gắn với các thời đoạn khác nhau trong ngày sáng, trưa, tối. Ví dụ:

- *Buổi tối con học bài, con đánh vần.*

- *Buổi trưa thì con ngủ với mẹ.*

Đơn vị *hôm* lại được trẻ đánh dấu như là sự phân lập giữa quá khứ và hiện tại như: *hôm trước, hôm nay*. Ví dụ:

- *Mẹ: Hôm nay, lớp con có mấy cô giáo?*

- *Son: Hôm trước là bốn, hôm nay là hai.*

Hồi, lần là đơn vị được trẻ dùng để chỉ những hành động thuộc về thời quá khứ trong những kết hợp như: *hồi xưa, hồi trước, lần trước*

Lúc là đơn vị khá đặc biệt, được trẻ sử dụng trong những kết hợp từ để chỉ cả thời quá khứ và tương lai. Ví dụ:

- *Cô giáo: các bạn đâu rồi?*

- *Hải Đăng: lúc con đang nói thì con không biết.*

Dù kết hợp với phó từ *đang* nhưng thời của động từ của câu không phải là thời hiện tại mà là hiện tại của quá khứ, diễn tả một sự tình đã xảy ra tại một thời điểm trong quá khứ và đã kết thúc ở thời điểm hiện tại. Câu trả lời của trẻ phản ánh một sự tình trẻ không thể quan sát được các bạn xung quanh mình đã di chuyển đến vị trí nào khi trẻ đang nói chuyện với cô giáo. Ví dụ:

- *Lúc tết trung thu thì con được chơi đèn.*

Lúc ở đây lại được kết hợp với “tết trung thu” để xác định một điểm mốc, một dấu mốc mà trẻ đánh dấu trong tương lai cho hành động.

Những đơn vị thời gian đối với trẻ phần lớn là những đơn vị thời gian có tính ước lượng, không thể đo đạc chính xác thời gian. Điều này phản ánh tư duy còn khá đơn giản của trẻ. Trẻ hình dung và phân đoạn thời gian chưa thực sự phức tạp như của người lớn. Việc chọn và chia động từ chính ở động ngữ thuộc thời nào cũng còn tồn tại yếu tố cảm tính. Đơn vị thời gian chủ yếu là những lát cắt ngắn, những khúc đoạn nhỏ. Điều đó cho thấy sự chi phối, sự tác động, sự chen ngang của đồng thời các hành động rất dễ ảnh hưởng đến trực quan và tư duy của trẻ.

4. Kết luận

Đặc điểm sử dụng các phương tiện từ ngữ để biểu thị phương diện thời gian trong ngôn ngữ trẻ thơ mang một màu sắc và dấu ấn rất đặc biệt trong quá trình tiếp thu, sử dụng và phát triển ngôn ngữ của trẻ. Trong cái nhìn ngây thơ của trẻ về thời gian của các sự tình trong thế giới xung quanh, trẻ đã biết nhận thức và phân đoạn chúng với ba thời quá khứ, hiện tại và tương lai. Trẻ cũng biết sử dụng phương tiện từ ngữ theo thời khá linh hoạt và sinh động cùng những đơn vị thời gian khá tiêu biểu. Những ẩn dụ về thời gian được hình thành một cách chất phác đã mở đường cho những tri nhận, những kinh nghiệm trẻ tiếp thu, phác họa và nhào nặn trong những năm tháng đầu đời.

Tiền học đường là giai đoạn tối ưu, là “mảnh đất” màu mỡ để gieo hạt giống phát triển khả năng tư duy và sáng tạo cho trẻ. Sự sáng tạo của trẻ em thường bắt đầu bằng sự tái tạo, bắt chước, mô phỏng và thường không có tính chủ đích. Sự sáng tạo của trẻ em phụ thuộc nhiều vào cảm xúc, vào tình huống và thường kém bền vững. Do

đó để giáo dục trẻ đòi hỏi nhà giáo dục phải nắm được sự phát triển ngôn ngữ tiến tới tư duy của trẻ và đề ra các biện pháp giáo dục một cách hợp lý có định hướng. Hiểu thế giới trẻ thơ, hiểu được quá trình tâm sinh lý sản sinh ngôn ngữ của trẻ là cơ sở để các nhà giáo dục hỗ trợ, điều chỉnh và thúc đẩy sự phát triển ngôn ngữ mở đường cho sự phát triển tư duy ở trẻ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. vi. Wikipedia.org/wiki/Thời gian
2. Nguyễn Đức Dân (2010), *Tri nhận thời gian trong tiếng Việt* ngonnguviet.blogspot.com
3. Nguyễn Văn Hiệp (2003), *Cấu trúc câu tiếng Việt nhìn từ góc độ ngữ nghĩa*, Ngôn ngữ số 10, tr. 16 - 34.
4. Lưu Thị Lan (1996), *Những bước phát triển ngôn ngữ trẻ em từ 1 - 6 tuổi (trên tư liệu ngôn ngữ trẻ em ở nội thành Hà Nội)*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Đại học Khoa học xã hội và nhân văn.
5. Trần Kim Phụng (2008), *Ngữ pháp tiếng Việt những vấn đề về thời, thể*, Nxb Giáo dục, H.
6. Lý Toàn Thắng (2005), *Ngôn ngữ học tri nhận từ lý thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt*, Nxb Khoa học xã hội, H.
7. Nguyễn Đức Tồn (2008), *Đặc trưng văn hóa - dân tộc của ngôn ngữ và tư duy*, Nxb KHXH, H.

Nguồn tư liệu:

- Tư liệu điều tra thực tế trường mầm non Ánh Sao, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội.
- Tư liệu điều tra thực tế trường mầm non Nghĩa Đô (cơ sở 1 và 2), phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội
- Tư liệu điều tra thực tế trường mầm non Thị trấn Cao Thượng (cơ sở 2), huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.